

**TÒA ÁN NHÂN DÂN.
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 804/2022/DS-PT

Ngày: 21-12-2022.

V/v: “Tranh chấp liên quan đến tài sản
bị cưỡng chế để thi hành án”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Hồng Giảng

2. Bà Đỗ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thuỳ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2022/TLPT-DS ngày 03/10/2022 về “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án”; Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5366/2022/QĐ-PT ngày 26/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15305/2022/QĐ-PT ngày 24/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tăng Thị Thu L**, sinh năm 1968.

Địa chỉ : **I V, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh**

Người đại diện hợp pháp: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Số E N, khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** - đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/11/2020) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Lâm Thành G**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ : **I V, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh**.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hồng T1 - đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/12/2022) (có mặt).

Địa chỉ: E N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Công ty Cổ phần T4.

Trụ sở: 6 Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thu .

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị V, sinh năm 1991; Địa chỉ : 6 Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 21/11/2022) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện nguyên đơn trình bày: Năm 1991, bà Tăng Thị Thu L và ông Lâm Thành G kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2006, bà L sử dụng tiền riêng để mua căn nhà I V, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Đinh Thị Thu H. Ông G biết và công nhận việc này, vì vậy trong quá trình làm thủ tục mua bán, ký hợp đồng thì chỉ có một mình bà L giao dịch và đứng tên sở hữu của căn nhà (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở: Hồ sơ gốc số 3915/99, do UBND Thành phố H cấp ngày 31 tháng 3 năm 1999, đăng ký biến động sang tên chủ sở hữu ngày 16/8/2006).

Sau khi mua nhà, bà L sử dụng căn nhà này làm nơi ở cho gia đình nhưng giữa bà L và ông G không có thỏa thuận đưa căn nhà 91A Võ Văn T2 vào tài sản chung của vợ chồng. Từ năm 2006 cho đến nay, hiện trạng nhà 91A Võ Văn T2 không có thay đổi, hiện không cho ai thuê mượn, chỉ có bà L và ông G đang quản lý, sử dụng căn nhà này.

Vào năm 2019, Công ty Cổ phần T4 khởi kiện yêu cầu ông G trả khoản tiền phát sinh từ hợp đồng góp vốn số 19/HĐKT-2017 ngày 08/12/2017. Ngày 22/3/2019, Tòa án nhân dân Quận 3 ban hành Quyết công nhận thỏa thuận giữa các đương sự số 202/2019/QĐST-KDTM về việc ông G có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần T4 số tiền nợ 55.000.000.000 đồng. Trong vụ án này, bà L được triệu tập với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xác nhận không liên quan đến quan hệ giao dịch dân sự riêng của ông G nên đây là nghĩa vụ riêng của ông G.

Trong quá trình giải quyết thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3,

Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 71 ngày 11/9/2019 về việc kê biên, xử lý tài sản của ông **G** là nhà đất số 91A **Võ Văn T2**. Việc Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và ông **G** cho rằng nhà đất số 91A **Võ Văn T2** là tài sản chung của bà **L** và ông **G** mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là không đúng quy định pháp luật vì đây là tài sản riêng của bà **L**. Vì vậy, bà **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định nhà đất số 91A **Võ Văn T2** là tài sản riêng của bà **L**.

2. Bị đơn ông Lâm Thành G trình bày: Năm 1991, bà **Tăng Thị Thu L** và ông kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2006, bà **L** mua căn nhà số I V, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh của bà **Đinh Thị Thu H** để làm nơi ở và sinh hoạt cho gia đình. Ông **G** xác nhận tiền mua nhà là tiền riêng của bà **L**, hai bên không có thỏa thuận tài sản chung nên đây là tài sản riêng của bà **L**. Từ thời điểm mua nhà vào năm 2006 cho đến nay, căn nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng và ông **G** không có đóng góp công sức, không có xây dựng, sửa chữa gì thêm. Hiện nay, tại căn nhà số I V có bà **L** và ông **Gia cư t**.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Căn cứ Quyết định số 202 ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định thi hành án số 1701 ngày 10/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã kê biên, xử lý phần tài sản của Gia trong khối tài sản chung với bà **L** tại nhà đất số I V để thi hành án.

Quá trình thi hành án, bà **L** khởi kiện ông **G** về việc tranh chấp tài sản chung là nhà đất số I V nên việc thi hành án hoãn để chờ kết quả xét xử của Tòa án cấp có thẩm quyền.

Căn cứ Khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022), Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh không có ý kiến, yêu cầu nào trong vụ án và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3 sẽ căn cứ vào phán quyết của Tòa án để xử lý việc thi hành án theo quy định.

3.2. Đại diện Công ty Cổ phần T4 (Nay đổi tên là Công ty Cổ phần T4) trình bày: Công ty Cổ phần T4 (nay đổi tên là Công ty Cổ phần T4) (gọi tắt là Công ty T4) là bên được thi hành án theo Quyết định số: 1701/QĐ-CCTHADS

ngày 10/5/2019 và số: 165/QĐ-CCTHADS ngày 21/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo đó ông **Lâm Thành G** phải thanh toán cho **Công ty T4** số tiền 55.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ.

Đối với nhà đất **số I V, Phường F (nay là phường V), Quận C, thành phố Hồ Chí Minh**, dựa trên những hồ sơ tài liệu và lời khai của ông **G** cũng như trong quá trình thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự Quận 3 đã tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật và xác định đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông **G**, theo đó ông **G** sở hữu 50% nhà đất trên nên đã ra Quyết định số: 71/QĐ-CCTHADS ngày 11/9/2019 về việc cưỡng chế kê biên nhà đất trên. **Chi cục T** đã hoàn thành các thủ tục và đưa nhà đất trên ra bán đấu giá để thu hồi một phần công nợ cho **Công ty T4**.

Tuy nhiên, sau 03 (ba) lần đưa tài sản ra đấu giá nhưng không có khách hàng đăng ký tham gia đấu giá theo các Thông báo số: 434/20/CV-NG ngày 27/5/2020; số: 642/20/CV-NG ngày 22/7/2020 và số: 868/20/CV-NG ngày 22/9/2020 của **Công ty Đ** “V/v không bán được tài sản đấu giá theo hợp đồng dịch vụ”, cùng với đó là 2 lần giảm giá tài sản theo các Quyết định số: 277/QĐ-CCTHADS ngày 08/6/2020 và số: 370/QĐ-CCTHADS ngày 06/8/2020 của **Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3** “V/v giảm giá tài sản”. Căn cứ theo Điều 104 Luật THADS năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, **Công ty T4** ngày 24/9/2020 đã có Đơn yêu cầu “V/v nhận tài sản đấu giá để cân trừ vào số tiền được thi hành án”.

Sau khi **Công ty T4** thực hiện đầy đủ các thủ tục, hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến việc nhận tài sản được kê biên cưỡng chế thi hành án cụ thể theo Thông báo số: 250/TB-CCTHADS ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; **Công ty T4** đã nộp đủ số tiền 9.034.769.840 đồng tương đương với 50% giá trị nhà đất **số I V** để thanh toán cho bà **Tăng Thị Thu L**, Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 25/QĐ-CCTHADS ngày 06/11/2020 về việc giao tài sản là nhà đất số 91A **Võ Văn T2** của vợ chồng ông **G** cho **Công ty T4** để cân trừ nợ, tài sản trên sẽ được bàn giao vào ngày 14/11/2020 theo Thông báo số: 307/TB-CCTHADS ngày 10/11/2020. Đến ngày 12/11/2020, **Công ty T4** nhận được Thông báo hoãn thi hành án số: 315/TB-CCTHADS ngày 17/11/2020 “V/v hoãn bàn giao tài sản” do đang xảy ra tranh chấp liên quan đến nhà đất số 91A **Võ Văn T2** tại Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc bà **L** khởi kiện ông **G** đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp và gây thiệt hại cho **Công ty T4**. **Công ty T4** không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết tranh chấp trên theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của **Công ty T4** trong việc nhận tài sản thi hành án là nhà đất **số I V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh**.

4. Bản án sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Tăng Thị Thu L**:

2. Xác định nhà và đất **số I V, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 3915/99 do **Ủy ban nhân dân Thành phố H** cấp ngày 31/3/1999 là tài sản chung của ông **Lâm Thành G** và bà **Tăng Thị Thu L**; mỗi người có $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà đất **số I V, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo.

5. Ngày 06/6/2022, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, xác định nhà đất **số I V, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** là tài sản riêng của bà **Tăng Thị Thu L**.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

6.2. Bị đơn xác định không có yêu cầu phản tố chia tài sản chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

6.3. Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh không có ý kiến, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

6.4. **Công ty Cổ phần T4** xác định không có yêu cầu độc lập về việc xác định phần sở hữu của người được thi hành án, đề nghị y án sơ thẩm.

6.5. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về hình thức: đơn kháng cáo của bà **L** trong thời hạn luật định. Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

- Không có căn cứ xác định đây là tài sản riêng của bà **Tăng Thị Thu L.**

- Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc xác định nhà đất **số I V, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** là tài sản riêng của bà **Tăng Thị Thu L.** Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên xác định mỗi người có quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà đất **số I V, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Nên đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên, bỏ phần xác định phần sở hữu của mỗi người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, phù hợp quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, bản án sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Toà án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định:

Bà **Tăng Thị Thu L** và ông **Lâm Thành G** kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 10/01/1991 do **Ủy ban nhân dân Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** cấp. Nhà và đất số **I V, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** được chuyển nhượng vào năm 2006 theo Hợp đồng chuyển nhượng ký tại **Phòng C** ngày 24/7/2006 và được cập nhật đăng ký biến động tên bà **Tăng Thị Thu L** tại trang bổ sung Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 3915/99 do **Ủy ban nhân dân Thành phố H** cấp ngày 31/3/1999.

Như vậy, đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Các đương sự không có văn bản xác nhận tài sản riêng của bà **Tăng Thị Thu L** trước thời điểm kê biên, cưỡng chế thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 27, Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 4 Luật Đất đai năm 2003; khoản 15 Điều 3, Điều 95 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 2

Điều 217 của Bộ luật Dân sự năm 2005 xem xét, đánh giá toàn bộ chứng cứ và có quyết định không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không xuất trình chứng cứ mới dẫn đến việc thay đổi quyết định của cấp sơ thẩm về việc xác định đây không phải là tài sản riêng của bà **L** mà là tài sản chung của ông **Lâm Thành G** và bà **Tăng Thị Thu L**. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Tuy nhiên, trong vụ án này chỉ có nguyên đơn là bà **Tăng Thị Thu L** yêu cầu xác định tài sản đang được kê biên, cưỡng chế thi hành án là tài sản riêng của bà, không có yêu cầu phản tố của bị đơn về chia tài sản chung, không có yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc xác định phần sở hữu tài sản, phần sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung nên việc bản án sơ thẩm xác định phần sở hữu, phần sử dụng của ông **Lâm Thành G** là $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất **số I V, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

3. Về án phí: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 12 Điều 26, Điều 309, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 27, Điều 28, Khoản 1 Điều 29, Khoản 1 Điều 32 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Khoản 19 Điều 4 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 15 Điều 3, Điều 95 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 217 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà **Tăng Thị Thu L**.

2. Về nội dung:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Tăng Thị Thu L** về việc xác định nhà đất **số I V, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** là tài sản riêng của bà **Tăng Thị Thu L**.

2.2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Toà án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Tăng Thị Thu L** về việc xác định nhà đất **số I V, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** là tài sản riêng của bà **Tăng Thị Thu L**.

- Xác định nhà và đất **số I V, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 3915/99 do **Ủy ban nhân dân Thành phố H** cấp ngày 31/3/1999, cập nhật biến động ngày 16/8/2006 là tài sản chung của ông **Lâm Thành G** và bà **Tăng Thị Thu L**.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Tăng Thị Thu L** phải chịu 300.000 đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032603 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. **H1** lại cho bà **Tăng Thị T3** Lý số tiền 58.200.000 đồng.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Tăng Thị Thu L** không phải chịu án phí phúc thẩm. **H1** lại cho bà **L** số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0007343 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Châu Thị Diệp